

NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THÁI ĐỘ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG

• VŨ THỊ HẬU

Khoa Công nghệ kỹ thuật ô tô - Trường Đại học Thành Đông

TÓM TẮT:

Bài viết được thực hiện nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng các yếu tố đến thái độ học tập của sinh viên Trường Đại học Thành Đông. Bằng việc khảo sát 3.954 sinh viên năm 2, 3, 4 bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Tác giả sử dụng công cụ Crobach's Anpha, EFA và phân tích hồi quy chạy trên phần mềm SPSS. Kết quả chỉ ra, 4 nhân tố tác động đến thái độ học tập của sinh viên: (1) Nghiệp vụ sư phạm giảng viên, (2) Giáo trình, nội dung môn học, (3) Động lực học tập bản thân, (4) Hệ thống cơ sở vật chất. Kết quả nghiên cứu cung cấp những thông tin hữu ích để Nhà trường định hướng cho sinh viên có động lực học tập đúng đắn.

Từ khóa: thái độ học tập sinh viên, nghiệp vụ sư phạm giảng viên, giáo trình, nội dung môn học, động lực học tập bản thân, hệ thống cơ sở vật chất.

1. Đặt vấn đề

Việc phân tích và đánh giá thái độ học tập của sinh viên giữ vai trò quan trọng, là cơ sở quan trọng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục tại Trường Đại học Thành Đông. Việc nhận diện đầy đủ các yếu tố ảnh hưởng thái độ học tập của sinh viên không chỉ giúp Nhà trường hiểu rõ hơn về nguyện vọng của sinh viên mà còn tạo tiền đề để xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm gia tăng động lực học tập. Trong bối cảnh hiện nay, vẫn tồn tại những nghi ngại về mức độ chăm chỉ và động lực học tập của sinh viên theo học tại các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập ở

Việt Nam. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm làm rõ thực trạng động lực học tập của sinh viên Trường Đại học Thành Đông - một ngôi trường ngoài công lập - đồng thời xác định các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập của nhóm sinh viên của Trường.

2. Cơ sở lý thuyết

Thái độ học tập

Theo Murphy and Alexander, động lực được hiểu là một quá trình định hướng, kích hoạt và duy trì hành vi nhằm đạt tới một mục tiêu nhất định. Đây là yếu tố cốt lõi thúc đẩy con người hành động để thỏa mãn các nhu cầu cá nhân. Thiếu vắng động lực,

cá nhân khó có thể kiên trì theo đuổi và đạt được mục đích của mình [1]. Bổ sung cho quan điểm này Pintrich nhấn mạnh, động lực chính là nguồn cảm hứng nội tại thôi thúc con người hành động [2]. Theo Tella và cộng sự, động lực được hình thành thông qua mức độ hài lòng trong công việc và sự bảo trợ từ tổ chức [3]. Trong khi đó, nghiên cứu của Kinman and Kinman chỉ ra rằng động lực cá nhân chủ yếu bắt nguồn từ sự nỗ lực nội tại hoặc được kích thích bởi các yếu tố bên ngoài môi trường [4].

Nghệ thuật giảng dạy

Theo quan điểm của Williams and Williams tại bậc đại học, giảng viên có năng lực chuyên môn, phương pháp sư phạm phù hợp và thái độ quan tâm đúng mức đến sinh viên sẽ góp phần tích cực trong việc nâng cao động lực học tập của người học. Từ đó, đặt ra yêu cầu giảng viên phải là người tiên phong trong hoạt động giảng dạy, có phẩm chất đạo đức chuẩn mực, trình độ chuyên môn vững vàng, lấy sinh viên làm trung tâm và thực hiện việc đánh giá kết quả học tập một cách công bằng, minh bạch. Đồng thời, mỗi giảng viên cần thường xuyên tự bồi dưỡng, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp và thể hiện sự gương mẫu trong công tác giảng dạy. Việc cập nhật liên tục kiến thức chuyên môn, nắm bắt các xu hướng mới trong lĩnh vực giảng dạy, kết hợp hài hòa giữa lý thuyết và thực tiễn là yêu cầu bắt buộc, nhằm trang bị cho sinh viên nền tảng học thuật vững chắc và khả năng thích ứng với môi trường xã hội không ngừng thay đổi [5].

Chương trình học

Trong quá trình lĩnh hội kiến thức, chương trình đào tạo là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy niềm đam mê học tập của sinh viên. Đối với một ngành học, chương trình đào tạo không được thường xuyên cập nhật theo nhu cầu xã hội, dẫn đến việc có học phần không phù hợp với ngành học.

Động lực học tập bản thân

Nghiên cứu của Williams và Williams cho thấy, việc sinh viên có định hướng mục tiêu học tập rõ ràng sẽ góp phần ảnh hưởng đến động lực học tập. Đặc điểm người học có ảnh hưởng đến động lực học tập [5].

Hệ thống cơ sở vật chất

Việc trang bị đầy đủ và chất lượng cơ sở vật chất hỗ trợ việc học tập của sinh viên đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy động lực học tập. Cụ thể,

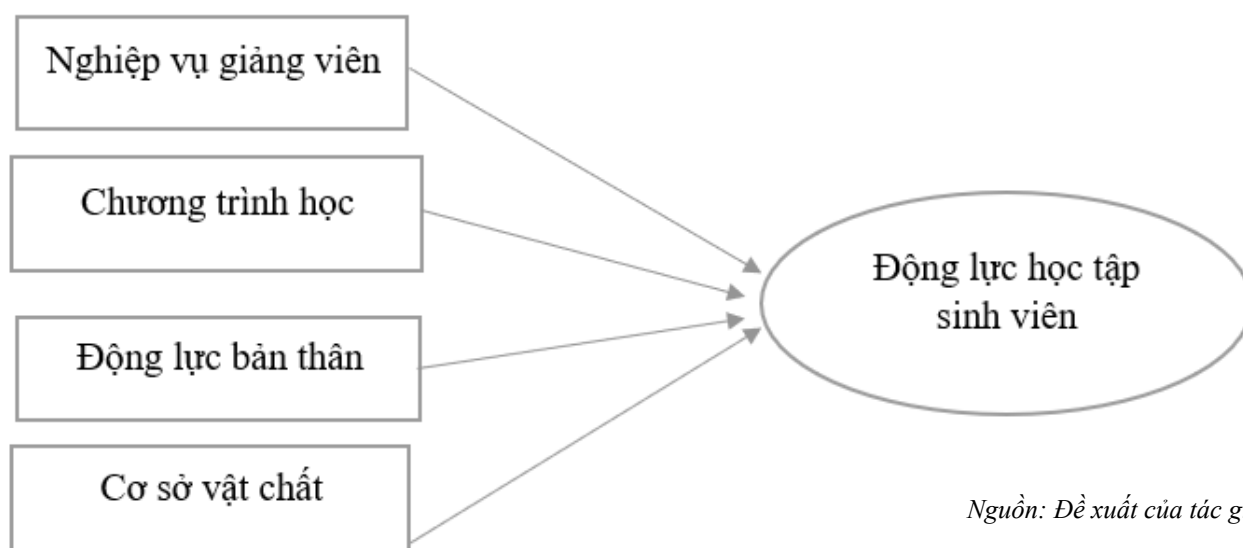
việc cung cấp đầy đủ máy tính ở các phòng thực hành và phần mềm hỗ trợ một số kiến thức chuyên ngành để sinh viên được thỏa mãn niềm đam mê thực hành dành cho nhóm các học phần Tin học ứng dụng, Kinh tế lượng, Thị trường chứng khoán... Bên cạnh việc trang bị phòng thực hành, thư viện là một trong những yếu tố quan trọng hỗ trợ việc học tập của sinh viên. Thư viện phải thường xuyên cập nhật và bổ sung nguồn tài liệu tham khảo phù hợp với chuyên ngành. Đồng thời, việc cung cấp trang thiết bị hỗ trợ việc học như mạng wifi ở các tòa nhà, dụng cụ thí nghiệm, phòng tự học... sẽ giúp sinh viên tự mở rộng kiến thức, nghiên cứu cũng như được thỏa mãn niềm đam mê thực hành những gì được tiếp thu trong quá trình học tập. Sau giờ học, để giảm áp lực nghiên cứu và học tập và để rèn luyện sức khỏe, sinh viên cần một nơi ở trường để tham gia các hoạt động thể thao. Việc trang bị đầy đủ cơ sở vật chất sẽ tạo được sự yên tâm và động lực để sinh viên thỏa sức thể hiện bản thân để học tập tốt cũng như rèn luyện thân thể.

3. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Phương pháp thu thập thông tin là sử dụng bảng hỏi chính thức để gửi trực tiếp đến từng sinh viên tại Trường Đại học Thành Đông. Từ những thông tin, dữ liệu thu thập được, tác giả tiến hành phân tích độ tin cậy của thang đo (Cronbach's Alpha), phân tích nhân tố (EFA), kiểm định hồi quy tuyến tính. Tất cả các thao tác này được tiến hành bằng phần mềm SPSS. Bảng câu hỏi trong nghiên cứu này được thiết kế gồm 25 biến quan sát, thiết kế theo thang đo Likert 5 bậc. Kích thước mẫu được chọn theo Tabachnick & Fidell để tiến hành hồi quy. Dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu được thu thập bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Kích thước mẫu theo công thức: $n \geq 8m+50$, trong đó m: số nhóm nhân tố (Tabachnick & Fidell, 1996). Mô hình nghiên cứu có 4 biến độc lập đo lường, nhóm nghiên cứu tiến hành phát phiếu khảo sát 3.954 sinh viên đang học tập tại Đại học Thành Đông. Thời gian tiến hành thu thập dữ liệu là từ tháng 10-12/2024. Nghiên cứu sử dụng các phương pháp kiểm định độ tin cậy thang đo Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA và hồi quy tuyến tính để kiểm định các giả thuyết trên [6]. (Hình 1)

Trong nghiên cứu này tác giả chọn kích thước mẫu đủ lớn (3.954 mẫu) để thỏa mãn cả hai điều kiện trong phương pháp phân tích nhân tố EFA và phương pháp hồi quy.

Hình 1: Mô hình đo lường nhân tố ảnh hưởng đến thái độ học tập của sinh viên Đại học Thành Đông



Nguồn: Đề xuất của tác giả

Kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha:

Các thang đo được trình bày trong nghiên cứu sẽ tiến hành kiểm định độ tin cậy bằng phương pháp Cronbach's Alpha. Kết quả sau khi chạy phân tích, các thang đo ban đầu đều đạt được độ tin cậy (Hệ số Cronbach's Alpha đạt từ 0,6 trở lên). Cả 5 thang đo đều có giá trị độ tin cậy cao và biến thiên trong khoảng (0,7-0,9), được trình bày trong Bảng 1.

Phân tích nhân tố khám phá EFA:

Phân tích EFA các biến độc lập: Các biến độc lập bao gồm: Ng nghiệp vụ giảng viên có 7 biến quan sát, Chương trình học có 4 biến quan sát, Động lực học có 4 biến quan sát, Hệ thống cơ sở vật chất có 6 biến quan sát và Môi trường học tập có 3 biến quan sát, được đưa vào phân tích EFA. Phương pháp trích

“Principal Axis Factoring” với phép quay “Varimax” được sử dụng trong phân tích nhân tố thang đo các thành phần độc lập. Kết quả phân tích được trình bày ở Bảng 2.

Căn cứ vào bảng Rotated Component Matrix có thể thấy được các hệ số đều thỏa mãn yêu cầu (các giá trị hệ số tải nhân tố đều lớn hơn 0,5) và sắp xếp theo 4 nhóm nhân tố riêng biệt, đó là các nhóm nhân tố NV (Ng nghiệp vụ giảng viên), CT (Chương trình học), DL (Động lực bản thân), CS (Hệ thống cơ sở vật chất).

Thang đo Thái độ học tập được xây dựng nhằm khảo sát về Thái độ học tập của sinh viên. Thang đo Thái độ học tập gồm 3 biến TD1, TD2, TD3 được đưa vào phân tích nhân tố EFA và thu được các kết quả như Bảng 3, Bảng 4, Bảng 5.

Bảng 1. Đánh giá độ tin cậy thang đo

STT	Thang đo	Số biến quan sát bị loại	Hệ số Cronbach's Alpha	Kết luận
1	NV	Không	0,986	Chất lượng tốt
2	CT	Không	0,976	Chất lượng tốt
3	DL	Không	0,976	Chất lượng tốt
4	CS	Không	0,984	Chất lượng tốt

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của tác giả

Bảng 2. Kết quả phân tích EFA các biến độc lập

Rotated Component Matrix^a

	Component			
	1	2	3	4
NV6	.884			
NV4	.883			
NV1	.882			
NV7	.882			
NV5	.881			
NV2	.880			
NV3	.879			
CS5		.880		
CS1		.879		
CS3		.878		
CS2		.877		
CS4		.877		
CS6		.875		
CT1			.865	
CT4			.864	
CT2			.864	
CT3			.861	
DL2				.865
DL4				.863
DL1				.863
DL3				.859

Extraction Method: Principal Component Analysis.
Rotation Method: Varimax with Kaiser Normalization.
a. Rotation converged in 6 iterations.

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS

Bảng 3. Kiểm định KMO các biến thuộc nhân tố thái độ học tập

KMO and Bartlett's Test

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.785
Approx. Chi-Square		14914.189
Bartlett's Test of Sphericity	df	3
	Sig.	.000

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS

Bảng 4. Kết quả phương sai trích**Total Variance Explained**

Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	2.820	93.985	93.985	2.820	93.985	93.985
2	.092	3.069	97.054			
3	.088	2.946	100.000			

Extraction Method: Principal Component Analysis.

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS

Bảng 5. Hệ số tải nhân tố**Communalities**

	Initial	Extraction
TD1	1.000	.939
TD2	1.000	.939
TD3	1.000	.941

Extraction Method: Principal Component Analysis.

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS

Trên cơ sở bảng kiểm định KMO cho thấy, trị số KMO là 0,785 điều đó khẳng định giá trị KMO đảm bảo tính thích hợp của việc phân tích nhân tố khám phá và mức độ ý nghĩa của dữ liệu đưa vào thực hiện phân tích nhân tố. Thống kê Chi-Square của kiểm định Bartlett có giá trị 14914,189 với mức ý nghĩa Sig. = 0,000 << 0,05, qua đó cho thấy kết quả kiểm định KMO hoàn toàn có nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 5%. Việc phân tích phương sai trích, cho thấy phương sai trích đạt giá trị 93,985%, giá trị này khá cao, như vậy 93,985% biến thiên của dữ liệu được giải thích bởi 1 nhân tố, các thang đo được rút ra và chấp nhận. Điểm dừng khi trích các yếu tố tại nhân tố thứ 1 với eigenvalue = 2,820. Cùng với đó, các hệ số tải nhân tố thuộc các biến thành phần TD1, TD2, TD3 lần lượt là 0,939; 0,939; 0,941 đều lớn hơn 0,5, điều này cho thấy, các biến thành phần thuộc nhân tố Thái độ học tập của sinh viên đảm bảo cho việc đưa vào phân tích dữ liệu. Nhìn chung, sự phù hợp trong phân tích nhân tố EFA nhân tố Thái độ học tập được đảm bảo để thực hiện phân tích hồi quy,

nhân tố Thái độ học tập đóng vai trò là biến phụ thuộc trong mô hình nghiên cứu. (Bảng 6)

Căn cứ trên kết quả phân tích tương quan các biến, ta thấy nhân tố phụ thuộc Thái độ học tập có mối tương quan dương với các nhân tố độc lập, cụ thể, giá trị tương quan Pearson của các nhân tố NV (Nghệ thuật giảng viên), CT (Chương trình học), DL (Động lực cá nhân), CS (Hệ thống cơ sở vật chất) với nhân tố Thái độ học tập lần lượt là 0,582; 0,592; 0,572; 0,588. Và các hệ số Sig của các nhân tố NV (Nghệ thuật giảng viên), CT (Chương trình học), DL (Động lực cá nhân), CS (Hệ thống cơ sở vật chất) lần lượt là 0,000; 0,000; 0,000; 0,000 đều << 0,05 điều này đảm bảo mối tương quan giữa các nhân tố có ý nghĩa thống kê để tác giả tiến hành chạy mô hình hồi quy tuyến tính. Như vậy, khi đưa vào phân tích mô hình hồi quy tuyến tính, tác giả chỉ đưa vào 4 nhân tố độc lập: NV (Nghệ thuật giảng viên), CT (Chương trình học), DL (Động lực cá nhân), CS (Hệ thống cơ sở vật chất) để phân tích sự tác động của 4 nhân tố này đến nhân tố TD (Thái độ học tập). (Bảng 7, Bảng 8, Bảng 9)

Bảng 6. Hệ số tương quan tuyến tính Pearson

Correlations^b

		NV	CT	DL	CS	TD
NV	Pearson Correlation	1	.560**	.561**	.569**	.582**
	Sig. (2-tailed)		.000	.000	.000	.000
CT	Pearson Correlation	.560**	1	.570**	.563**	.592**
	Sig. (2-tailed)	.000		.000	.000	.000
DL	Pearson Correlation	.561**	.570**	1	.565**	.572**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000		.000	.000
CS	Pearson Correlation	.569**	.563**	.565**	1	.588**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000		.000
TD	Pearson Correlation	.582**	.592**	.572**	.588**	1
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000	

** . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

b. Listwise N=3954

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS

Bảng 7. Đánh giá mức độ phù hợp của mô hình nghiên cứu

Model Summary^b

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Change Statistics					Durbin-Watson
					R Square Change	F Change	df1	df2	Sig. F Change	
1	.711 ^a	.506	.505	.665	.506	1010.785	4	3949	.000	1.998

a. Predictors: (Constant) , NV, CT, DL, CS

b. Dependent Variable: TD

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS

Bảng 8. Kiểm định ANOVA của mô hình nghiên cứu

ANOVA^a

Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	1788.124	4	447.031	1010.785	.000 ^b
	Residual	1746.489	3949	.442		
	Total	3534.612	3953			

a. Dependent Variable: TD

b. Predictors: (Constant), NV, CT, DL, CS

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS

Bảng 9. Kết quả phân tích hồi quy**Coefficients^a**

Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Correlations			Collinearity Statistics	
	B	Std. Error	Beta			Zero-order	Partial	Part	Tolerance	VIF
(Constant)	.386	.042		9.087	.000					
1 NV	.219	.015	.215	14.290	.000	.582	.222	.160	.554	1.807
CT	.237	.015	.237	15.718	.000	.592	.243	.176	.551	1.814
DL	.190	.015	.189	12.533	.000	.572	.196	.140	.549	1.821
CS	.228	.015	.225	14.917	.000	.588	.231	.167	.548	1.824

a. Dependent Variable: TD

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS

Kết quả phân tích các hệ số hồi quy tuyến tính (Bảng 9) cho thấy giá trị Sig. tổng thể của các nhân tố độc lập đều nhỏ hơn 5%, điều này chứng tỏ 4 nhân tố NV (Nghệ thuật giảng viên), CT (Chương trình học), DL (Động lực cá nhân), CS (Hệ thống cơ sở vật chất) đều có ý nghĩa 95% trong mô hình và đều có tác động đến nhân tố Thái độ học tập. Như vậy, phương trình hồi quy (theo hệ số chưa chuẩn hóa) của mô hình thể hiện mối quan hệ giữa các nhân tố NV (Nghệ thuật giảng viên), CT (Chương trình học), DL (Động lực cá nhân), CS (Hệ thống cơ sở vật chất) ảnh hưởng đến nhân tố Thái độ học tập là:

$TD = 0,386 + 0,219 \times \text{Nghệ thuật giảng viên} + 0,237 \times \text{Chương trình học} + 0,190 \times \text{Động lực cá nhân} + 0,228 \times \text{Hệ thống cơ sở vật chất}$

Từ kết quả hồi quy cho thấy nhân tố Thái độ học tập có quan hệ tuyến tính đối với 4 nhân tố NV (Nghệ thuật giảng viên), CT (Chương trình học), DL (Động lực cá nhân), CS (Hệ thống cơ sở vật chất).

Kiểm tra đa cộng tuyến là một trong những vấn đề quan trọng trong việc phân tích mô hình hồi quy. Hiện nay, có nhiều cách để phát hiện đa cộng tuyến như: Hệ số R2 lớn nhưng t nhỏ, tương quan cặp các biến giải thích cao, sử dụng mô hình hồi quy phụ, sử dụng hệ số phóng đại phương sai - VIF (Hoàng Ngọc Nhậm và ctg, 2008). Ở đây, tác giả lựa chọn sử dụng hệ số VIF, nếu VIF > 10 thì có thể xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến (Nguyễn Đình Thọ, 2011). Kết quả cho thấy, hệ số VIF của các nhân tố lựa chọn sử dụng hệ số VIF, nếu VIF > 10 có thể xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến (Nguyễn Đình Thọ, 2011). Kết quả cho thấy, hệ số VIF của các nhân tố NV (Nghệ

thuật giảng viên), CT (Chương trình học), DL (Động lực cá nhân), CS (Hệ thống cơ sở vật chất) lần lượt là 1,807; 1,814; 1,821; 1,824 đều nằm trong mức cho phép (tức nhỏ hơn 10), cho thấy mô hình không bị đa cộng tuyến, nghĩa là hiện tượng đa cộng tuyến không xảy ra lần lượt là 1,807; 1,814; 1,821; 1,824 đều nằm trong mức cho phép (tức nhỏ hơn 10), cho thấy mô hình không bị đa cộng tuyến, nghĩa là hiện tượng đa cộng tuyến không xảy ra.

Như vậy, sau khi thực hiện phân tích hồi quy, tác giả đã cho thấy được các nhân tố tác động đến Thái độ học tập đối với sinh viên học tại Đại học Thành Đông, trong đó, nhân tố Chương trình học tác động mạnh nhất, kế đến là nhân tố Hệ thống cơ sở vật chất, Nghệ thuật giảng viên, tiếp theo lần lượt là các nhân tố Động lực bản thân.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu khẳng định rằng thái độ học tập của sinh viên Trường Đại học Thành Đông chịu sự chi phối bởi bốn nhân tố chính: (1) Chương trình học, (2) Hệ thống cơ sở vật chất, (3) Nghệ thuật sư phạm của giảng viên và (4) Động lực học tập cá nhân. Trong đó, chương trình học là yếu tố có mức độ ảnh hưởng lớn nhất, tiếp theo lần lượt là cơ sở vật chất, năng lực sư phạm của giảng viên, và động lực bản thân.

Mô hình hồi quy tuyến tính, với dữ liệu khảo sát từ 3.954 sinh viên, cho thấy mối quan hệ tuyến tính và có ý nghĩa thống kê giữa các nhân tố độc lập và thái độ học tập. Các kiểm định thống kê như Cronbach's Alpha, EFA và kiểm định đa cộng tuyến

đều đạt tiêu chuẩn, bảo đảm độ tin cậy và giá trị của mô hình nghiên cứu.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu cung cấp những gợi ý thiết thực giúp Nhà trường đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, bao gồm: cập nhật chương trình học phù hợp với thực tiễn, tăng cường đầu tư cơ

sở vật chất, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên và phát triển các hoạt động hỗ trợ, định hướng động lực học tập cho sinh viên. Đây là nền tảng quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả học tập và phát triển toàn diện cho sinh viên trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Murphy, P. K. and P. A. Alexander (2000). "A motivated exploration of motivation terminology." *Contemporary educational psychology* **25**(1): 3-53.

Pintrich, P. R. (2003). "A motivational science perspective on the role of student motivation in learning and teaching contexts." *Journal of educational Psychology* **95**(4): 667.

Tella, A., et al. (2007). "Work motivation, job satisfaction, and organisational commitment of library personnel in academic and research libraries in Oyo State, Nigeria." *Library philosophy and practice* **9**(2).

Kinman, G. and R. Kinman (2001). "The role of motivation to learn in management education." *Journal of workplace learning* **13**(4): 132-144.

Williams, K. C. and C. C. Williams (2011). "Five key ingredients for improving student motivation." *Research in higher education journal* **12**: 1.

Tabachnick, B. and L. Fidell, 1996. Using Multivariate Statistics (Third Edition). Harper Collins College Publishers, New York, New York.

Ngày nhận bài: 24/2/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 8/3/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 25/3/2025

FACTORS INFLUENCING STUDENTS' LEARNING ATTITUDES AT THANH DONG UNIVERSITY

● VU THI HAU

Faculty of Automotive Engineering Technology - Thanh Dong University

ABSTRACT:

This study aims to assess the influence of various factors on students' learning attitudes at Thanh Dong University. Data was collected through a survey of 3,954 second-, third-, and fourth-year students using a convenience sampling method. The study employed Cronbach's Alpha, Exploratory Factor Analysis (EFA), and linear regression analysis using SPSS software. The findings identified four key factors that significantly affect students' learning attitudes: (1) pedagogical competence of lecturers, (2) quality of textbooks and course content, (3) students' intrinsic motivation, and (4) infrastructure and facilities. These results provide practical implications for university administrators to implement strategies that effectively enhance students' motivation and learning engagement.

Keywords: learning attitudes; pedagogical competence; course materials; intrinsic motivation; educational infrastructure.